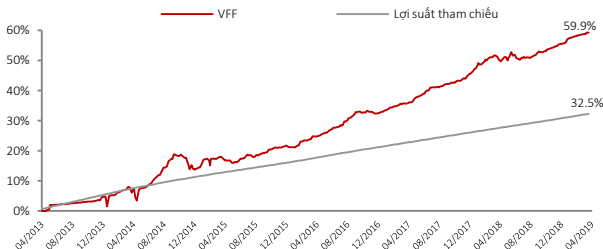


VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 04/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lợi hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit ²	4 SOCBs 12M deposit ³	VCB 12M deposit ⁴
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	266.5			
NAV/CCQ, VND	15,990			
Tăng trưởng NAV¹				
So với tháng trước	0.7%			
Từ đầu năm	2.8%	1.6%	0.1%	2.2%
Quy thành năm				
2019	8.5%	5.0%	6.8%	6.8%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	8.0%	5.1%	6.5%	6.4%
Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập	59.9%	32.5%	41.5%	40.9%

¹ NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành

² Lợi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agri)

³ Lợi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN

⁴ Lợi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> 2,5% < 12 tháng 1,5% > / = 12 & < 24 tháng 0,75% > / = 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chiến lược đầu tư

Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cơ chế ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung
dung.xuan.nguyen@vinalcapital.com

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: jrw@vinalcapital.com
 Tel: +84 8 38 27 85 35

Tổng quan về Quỹ

Cấu trúc Quỹ

Quỹ mở Trái phiếu

Mức rủi ro

THẤP

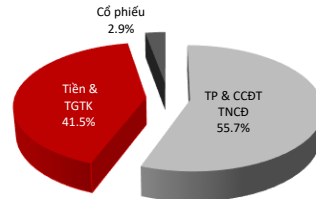
Mức lợi nhuận

THẤP TB CAO

Mức phí

THẤP TB CAO

Phân bổ tài sản



Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 15,990 VND tại thời điểm cuối tháng 4/2019, tăng 0,7% so với tháng trước và 2.8% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 4 nhờ vào lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ thu nhập cố định khác;

Tính đến cuối tháng 4/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 266,5 tỷ đồng (11,4 triệu USD) so với mức 283,2 tỷ đồng (12,2 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 3. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 55,7% tổng GTTSR và VFF duy trì 41,5% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu sơ cấp: Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) là tổ chức phát hành duy nhất trong tháng 4/2019 và huy động được 12,6 nghìn tỷ VND (0,54 tỷ USD) trái phiếu với kỳ hạn 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm, và 30 năm. Tổng giá trị phát hành tháng 4 giảm 11,9% so với tháng 3/2019. Nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến trái phiếu kỳ hạn 15 năm với giá trị phát hành đạt 6,4 nghìn tỷ VND (274,91 triệu USD), chiếm 50,9% tổng giá trị phát hành trong tháng. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm đứng thứ hai với tổng giá trị phát hành đạt 3,64 nghìn tỷ VND (156,36 triệu USD), chiếm 28,9% tổng giá trị phát hành.

Lãi suất trái phiếu KBNN nhìn chung không thay đổi ở các kỳ hạn 7 năm (4.05%), 10 năm (4.72%), 15 năm (5.06%) và 30 năm (5.85%) so với lần phát hành gần nhất. Riêng lãi suất trái phiếu KBNN kỳ hạn 20 năm giảm 51 điểm so với tháng trước.

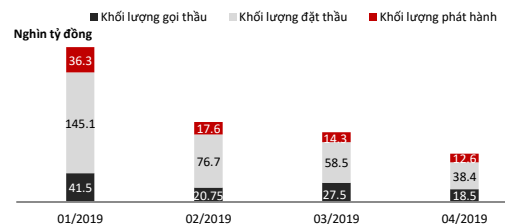
Sau 4 tháng đầu năm 2019, KBNN đã huy động thành công 80,8 nghìn tỷ đồng (3,5 tỷ USD) trái phiếu, hoàn thành 31,1% kế hoạch trong năm 2019.

Thị trường trái phiếu thứ cấp: Thị trường trái phiếu thứ cấp tháng 4 kém sôi động hơn so với tháng trước. Tổng giá trị giao dịch trong tháng 4 giảm còn 77,21 nghìn tỷ VND (3,31 tỷ USD) từ mức 77,99 nghìn tỷ VND trong tháng 3, tương đương mức giảm 2.3% so với tháng trước. Do đó, lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) thứ cấp ghi nhận mức tăng từ 4 đến 12 điểm cơ bản ở các kỳ hạn từ 2 đến 7 năm, lợi suất TPCP kỳ hạn 1 và 10 năm tăng lần lượt 1 và 4 điểm cơ bản so với tháng trước trong khi lợi suất TPCP kỳ hạn 15 năm không thay đổi.

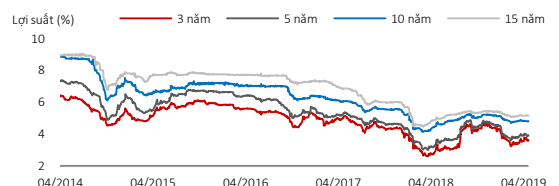
Trong năm 2019, KBNN đặt mục tiêu phát hành 260 nghìn tỷ VND (11,2 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm qua hình thức đấu thầu và chi tiết như sau:

Kỳ hạn	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Khối lượng, tỷ đồng	40,000	30,000	70,000	78,000	20,000	22,000	260,000

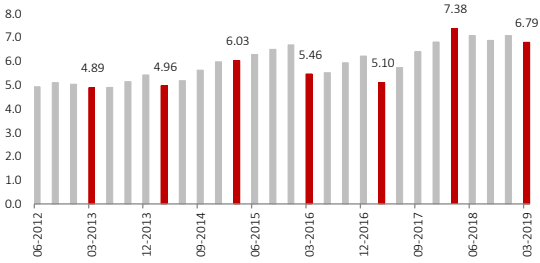
Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



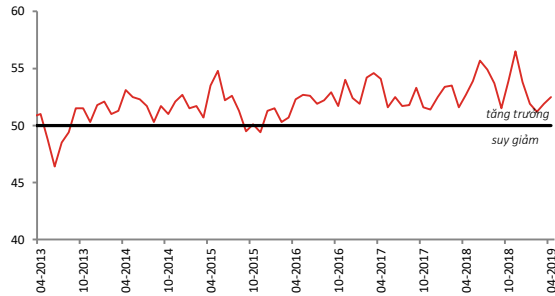
Lợi suất trái phiếu thứ cấp



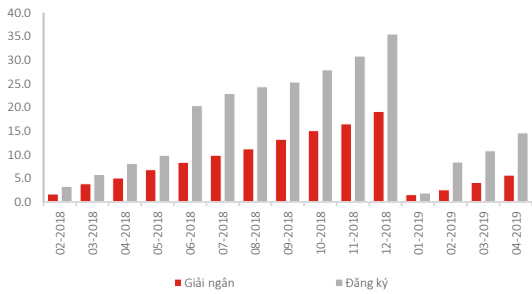
Tăng trưởng GDP theo quý (%)



Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



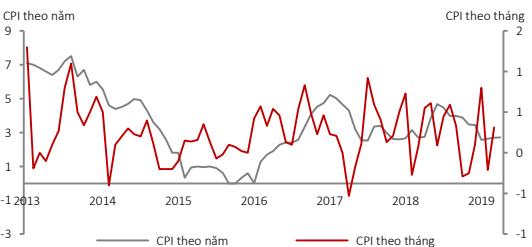
FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)



Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



Cập nhật thị trường vĩ mô, 04/2019

Lạm phát so với cùng kỳ năm trước của tháng 4 tăng lên 2,9% từ 2,7% trong tháng 3 do giá bán lẻ xăng dầu tăng 10% trong tháng và giá điện tăng khoảng 8% vào cuối tháng 3. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) về cơ bản không thay đổi so với tháng 4 năm 2018. Chúng tôi hiện đang dự báo mức tăng CPI 3,5% vào cuối năm nay do sự bùng phát của dịch tả lợn châu Phi (ASF).

ASF được phát hiện lần đầu tiên tại Trung Quốc vào năm ngoái, và đã lan sang Việt Nam vào tháng Hai. Việc tiêu hủy đàn heo để kiểm soát dịch đã khiến giá thịt trong nước tăng 5% so với cùng kỳ, trong khi giá thịt lợn toàn cầu tăng 45% so với đầu năm. Một số nhà phân tích tin rằng giá thịt lợn thế giới có thể tăng thêm 40-70% so với mức hiện tại. Giá thực phẩm tăng 4% - ngang với Trung Quốc - và đóng góp 1,4 điểm phần trăm vào chỉ số CPI cơ bản. Giá thực phẩm chiếm 36% trong nhóm CPI của Việt Nam.

Tăng trưởng sản xuất giảm từ mức 14% so với cùng kỳ trong 4 tháng đầu năm 2018 (4M2018) xuống còn 11% trong 4 tháng năm 2019 (4M2019) chủ yếu do doanh số bán điện thoại thông minh toàn cầu nhìn chung giảm nhẹ và một số vấn đề kỹ thuật của các sản phẩm điện thoại thông minh Samsung nói riêng.

Sản lượng xăng dầu tại Việt Nam tăng 73% so với cùng kỳ nhờ vào sự vận hành của nhà máy lọc dầu mới, bù đắp phần nào sự sụt giảm trong sản xuất công nghiệp từ Samsung. Trong khi đó, Chỉ số quản lý mua hàng của Việt Nam (PMI) tăng từ 51,9 trong tháng 3 lên 52,5 trong tháng 4 và vẫn duy trì trên ngưỡng '50' kể từ tháng 12/2015.

Sản phẩm công nghệ cao chiếm khoảng một phần ba tổng xuất khẩu của Việt Nam và các vấn đề nêu trên về điện thoại thông minh dẫn đến tăng trưởng xuất khẩu của phân khúc này chậm lại còn 4% trong 4M2019 so với mức ghi nhận tăng trưởng 27% so với cùng kỳ trong 4M2018. Những yếu tố nêu trên đã dẫn đến việc tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam giảm còn 6% trong 4M2019 từ mức khoảng 20% trong 4M2018. So với một số một số quốc gia khác trong khu vực như Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan - xuất khẩu giảm trung bình 7% trong 4M2019 - thì mức tăng trưởng ở Việt Nam được xem là khá quan.

Mức tăng 11% hàng nhập khẩu của Việt Nam trong 4M2019 tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu. Báo cáo của Hải quan Việt Nam cho thấy rằng thặng dư thương mại nhìn chung vào khoảng 750 triệu USD trong 4M2019 so với mức 3,9 tỷ USD trong 4M2018. Mặc dù cân cán thương mại có phần thâm hụt, giá trị của đồng VNĐ về cơ bản không thay đổi trong tháng 4, một phần do Ngân hàng Nhà nước đã mua hơn 8 tỷ USD dự trữ ngoại hối từ đầu năm, giúp nâng tổng dự trữ ngoại hối lên 66 tỷ USD, tương đương với hơn ba tháng trị giá hàng nhập khẩu, mức tối thiểu của dự trữ ngoại hối được khuyến cáo bởi Ngân hàng Thế giới, IMF và những tổ chức quốc tế khác.

Một yếu tố khác giúp thúc đẩy niềm tin vào đồng VNĐ là mức tăng 8% trong dòng vốn FDI giải ngân, đạt 5,7 tỷ USD trong 4M2019. Ngoài ra, giá trị của các dự án FDI đăng ký mới cũng tăng gần 50% lên gần 5,3 tỷ USD nhờ vào gia tăng đầu tư mới từ Trung Quốc, từ mức 400 triệu USD trong 4M2018 lên 1,4 tỷ USD trong 4M2019.

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		04/2019	03/2019	02/2019	2018A	2019F
GDP	% y/y	N/A	6.79	N/A	7.08	6.60 - 6.80
PMI		52.5	51.9	51.2	53.8	
CPI, bình quân	% y/y	2.71	2.70	2.64	3.45	3.57
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	-0.7	1.41	0.08	7.78	6.81
Nhập khẩu	% y/y	10.4	7.82	7.50	11.58	13.70
Xuất khẩu	% y/y	5.8	5.55	5.90	14.24	14.42
FDI, Đăng ký	USD tỷ	14.6	10.81	3.26	35.46	
FDI, Giải ngân	USD tỷ	5.7	4.12	2.58	19.10	
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	64.00	64.00	64.00	60.00	65.00
USD/VND	VND	23,280	23,189	23,199	22,655	23,880

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn là đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo đưa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người nói trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến này hoặc đối với bất kỳ lý do, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cập hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao lại cho bất kỳ người nào hoặc phát hành toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông tin này chỉ dành cho nhân viên bán hàng, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.